TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HÀ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 111/2020/QĐST-HNGĐ	*Hải Hà, ngày 30 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ – TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 39, khoản 2 Điều 149, các Điều 212, 213, 361, 371, 396 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/. Chị Hoàng Hải H1, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Số nhà X, khu Y, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh;

2/. Anh Phạm Việt T1, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Số nhà X, khu Y, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Hải H1 và anh Phạm Việt T1 kết hôn có đăng ký vào ngày 21/02/1993 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Quảng Hà, huyện Quảng Hà (nay là huyện Hải Hà), tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn những tình cảm vợ chồng không được cải thiện và ngày càng trầm trọng. Anh chị hiện đang ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: anh chị có hai con chung là Phạm Việt C1, sinh ngày 11/3/1994 và Phạm Thu T2, sinh ngày 29/6/2003; nay ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Cháu Phạm Việt C1 đã thành niên (trên 18 tuổi), sức khỏe hoàn toàn bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Hoàng Hải H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thu T2 từ tháng 12/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Việt T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh

Thắng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Anh Thắng có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu chị H1 không nuôi dưỡng được con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: anh chị thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: anh chị thỏa thuận để chị H1 nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần được công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Hải H1 và anh Phạm Việt T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh chị có hai con chung là Phạm Việt C1, sinh ngày 11/3/1994 và Phạm Thu T2, sinh ngày 29/6/2003; nay ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Cháu Phạm Việt C1 đã thành niên (trên 18 tuổi), sức khỏe hoàn toàn bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Hoàng Hải H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thu T2 từ tháng 12/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Việt T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Thắng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Anh Thắng có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu chị H1 không nuôi dưỡng được con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh chị thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị H1 tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự ly hôn theo quy định. Chị H1 đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí, theo biên lai số 0006931 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hà.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hà;
- Uỷ ban nhân dân thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Vương Thị Thanh